CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi

Ngày 30/09/2024	59,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.3%	**-2.4%**	**6.9%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	46,429 - 62,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,756
Số lượng CPLH (CP)	29,770,578
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,842
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.28
EPS	5,997
P/E	9.8

DT thuần
Q3/24
1,405
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 76.0| 5.7%
YoY: ▲ 392| 38.7%

LN thuần
Q3/24
3.84
tỷ VNĐ
QoQ: ▼28.6| -88.2%
YoY: ▼27.5| -87.7%

LN sau thuế
Q3/24
2.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▼29.9| -91.4%
YoY: ▼28.3| -91.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
1.8%
YoY: +/-▼ 3.6%

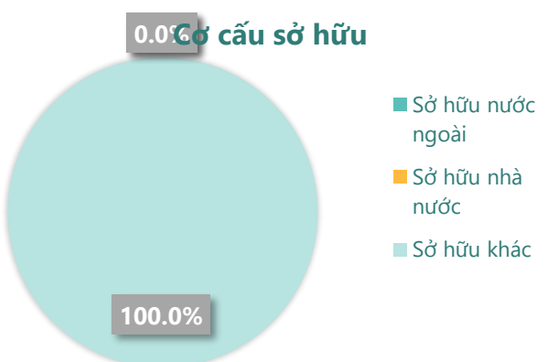
ROE (TTM)
Q3/24
16.4%
YoY: +/-▼ 2.3%

DT thuần
9T 2024
5,374
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,009| 23.1%

LN thuần
9T 2024
135
tỷ VNĐ

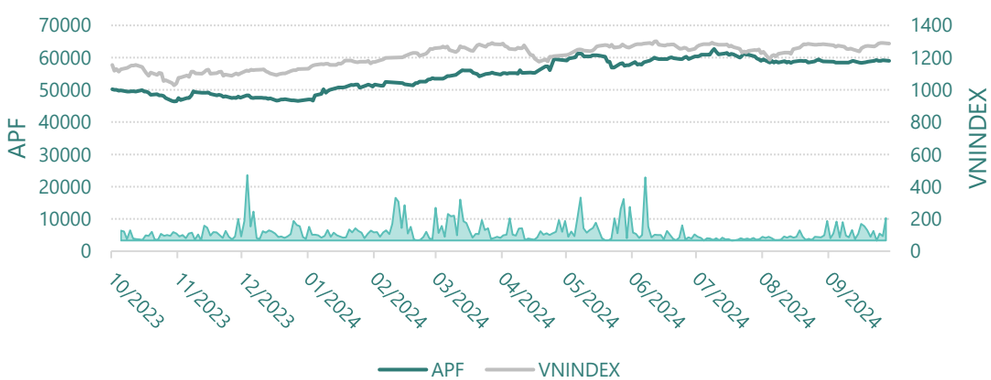
LN sau thuế
9T 2024
134
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.00| -0.1%

Cơ cấu sở hữu

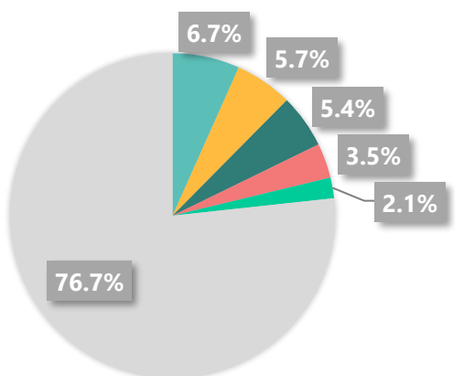


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

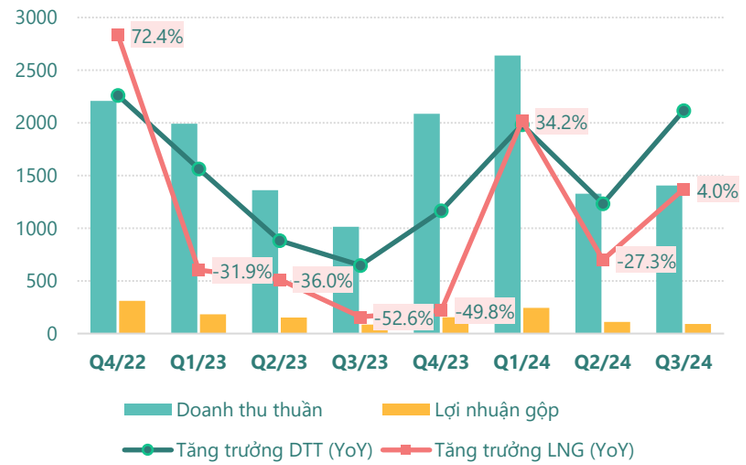


- Nguyễn Đức Thắng (Thành viên HĐQT)
- Võ Văn Danh (Chủ tịch HĐQT)
- Vũ Lam Sơn
- Lê Tuấn Toàn
- Trần Ngọc Hải (Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

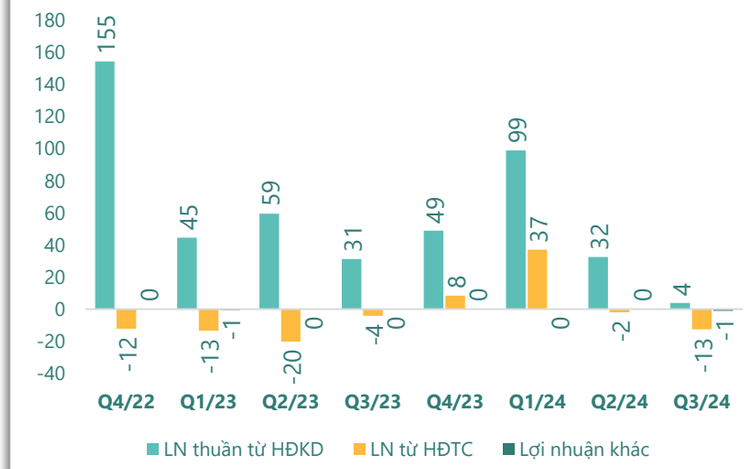
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



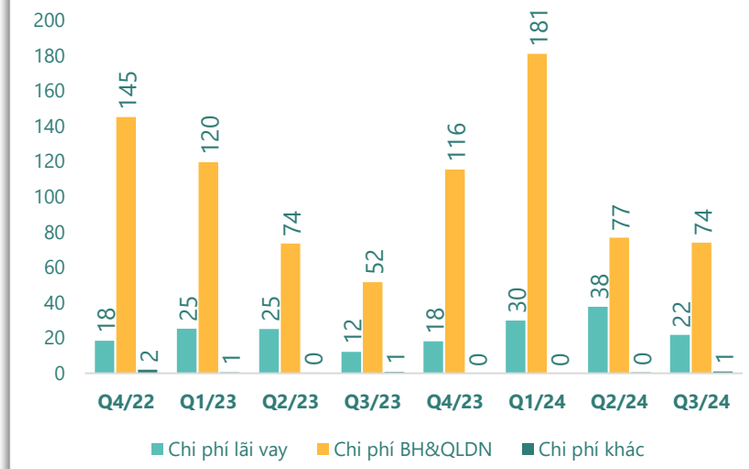
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



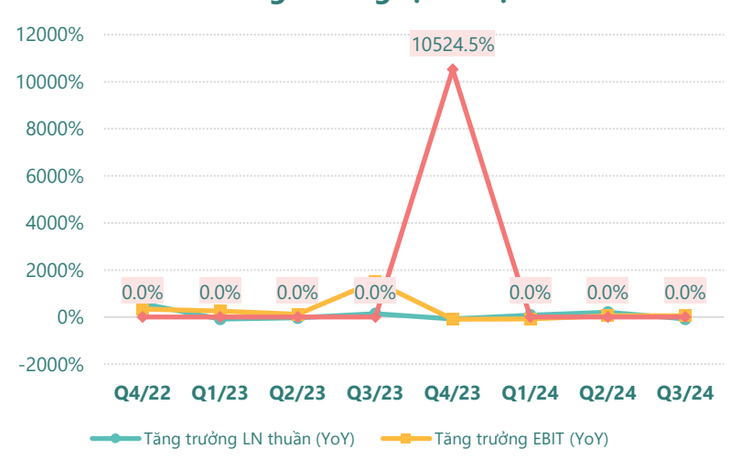
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



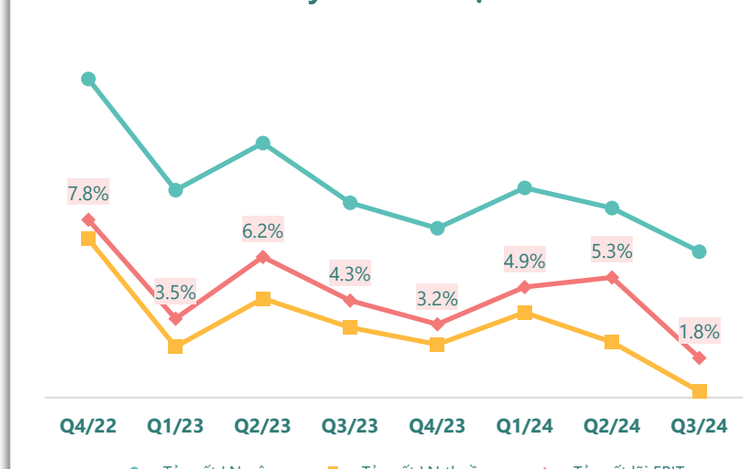
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



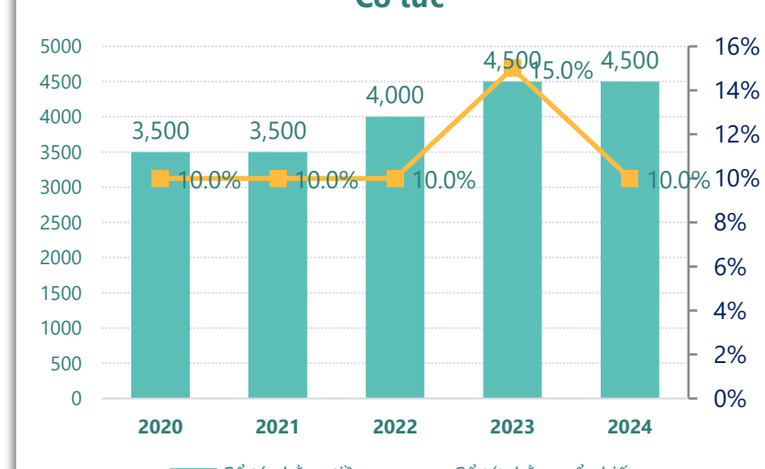
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

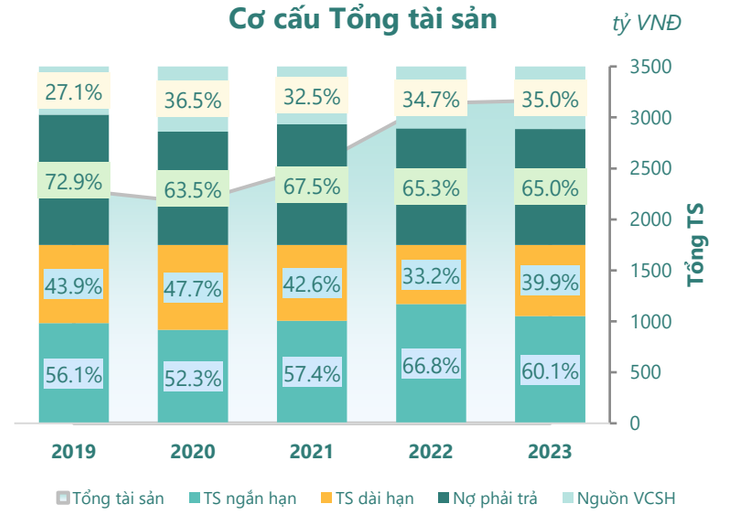
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

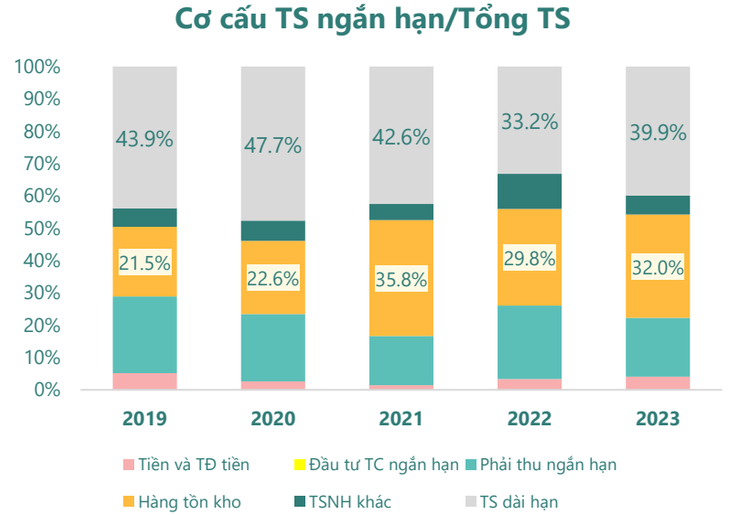
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



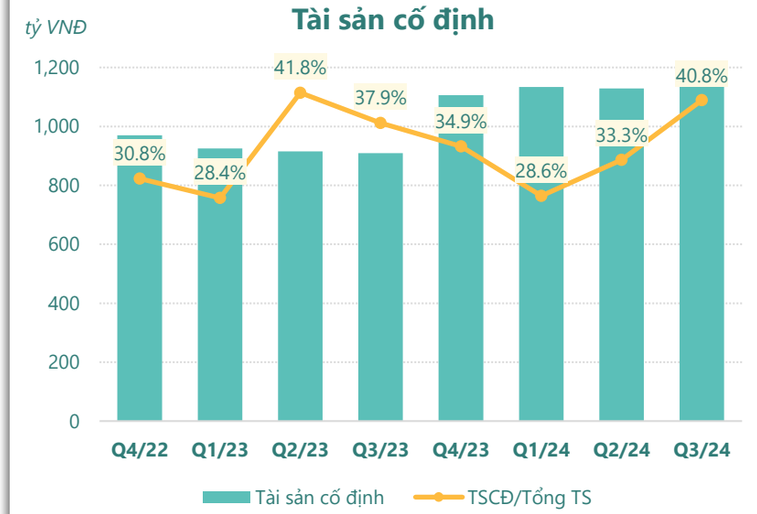
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



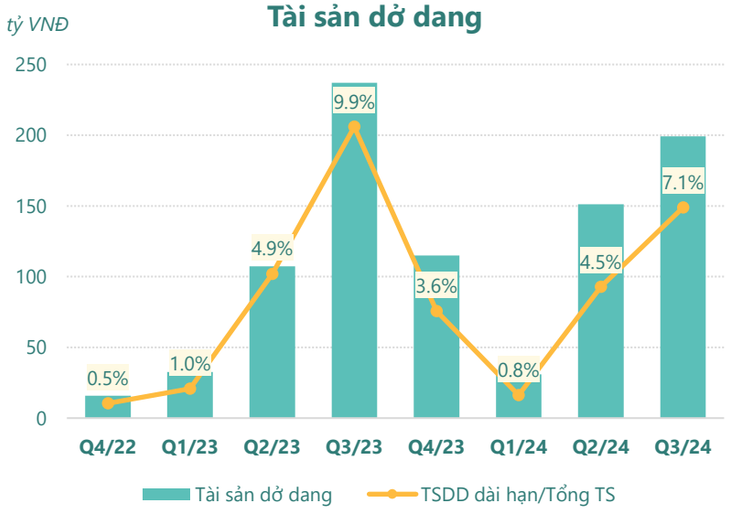
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



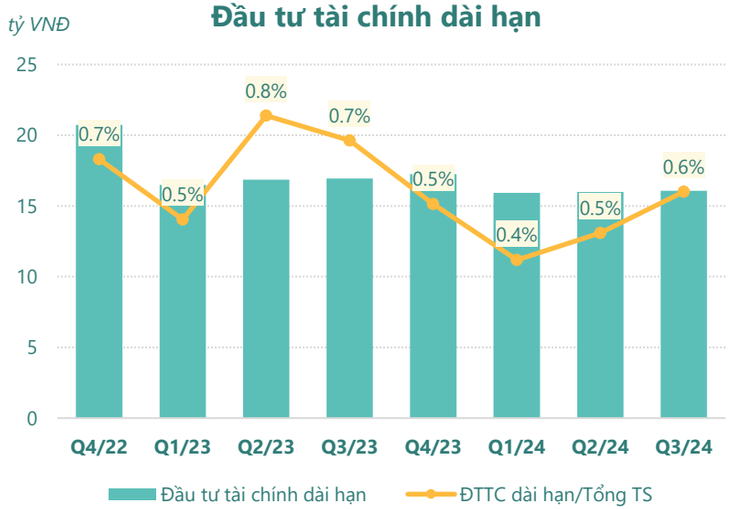
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



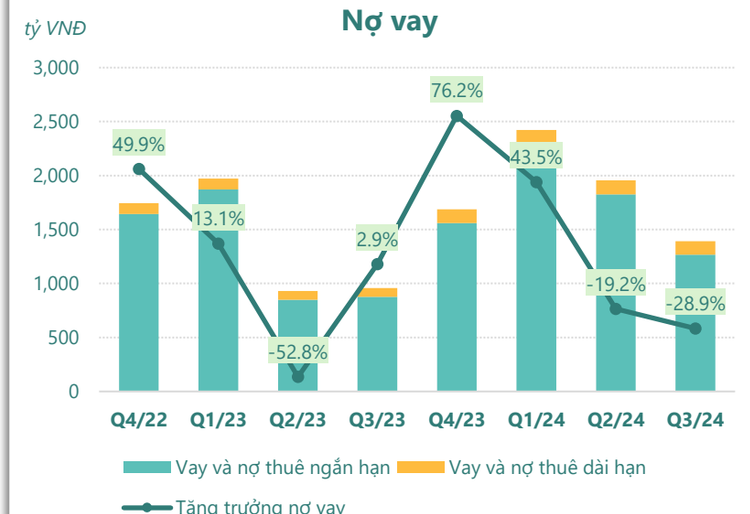
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

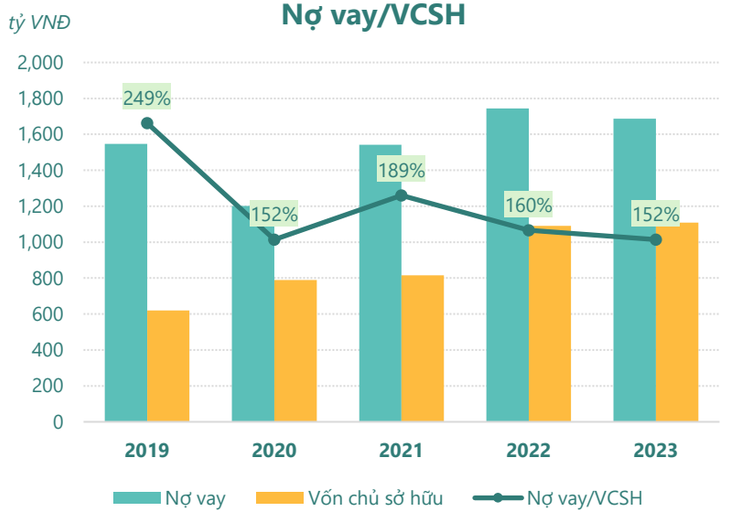
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



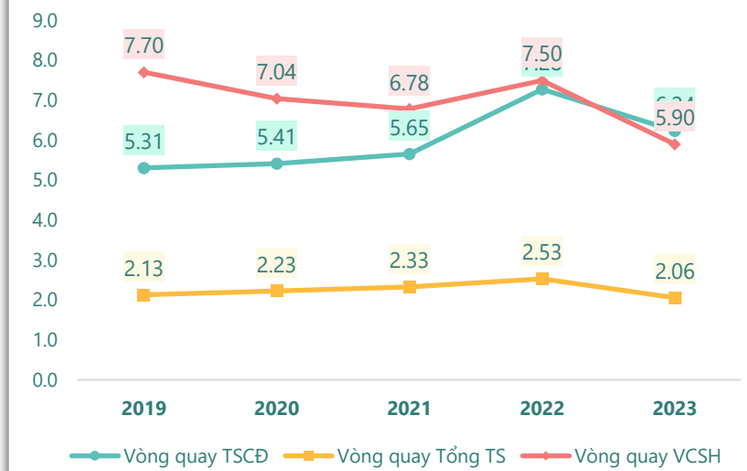
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



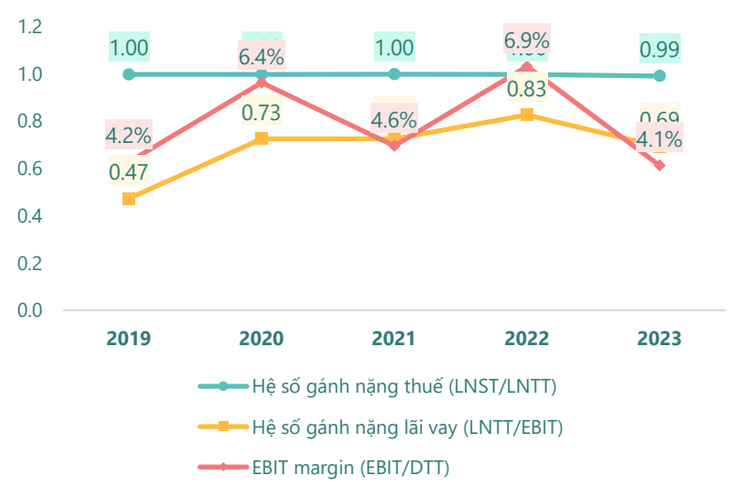
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



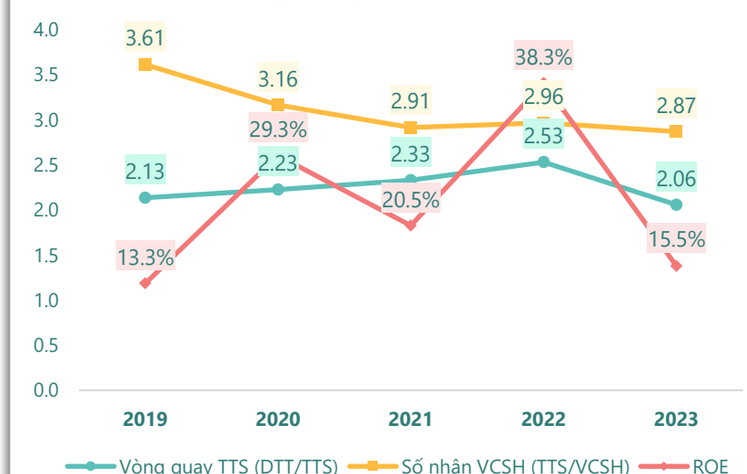
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



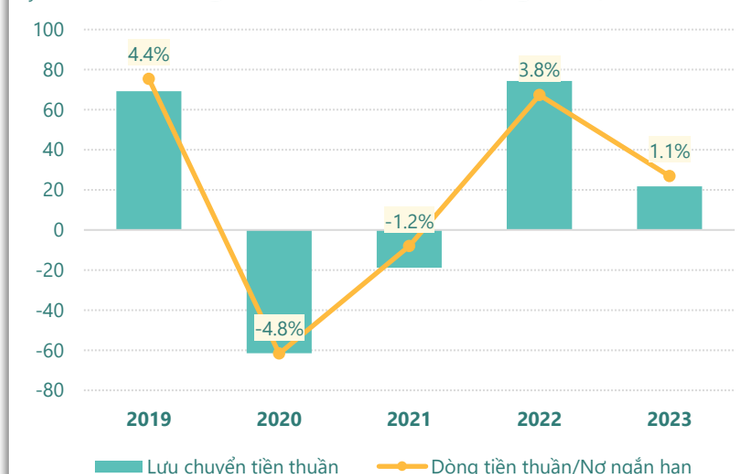
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,405**	**1,013**	**38.7%**	**5,374**	**4,365**	**23.1%**
Giá vốn hàng bán	1,315	926	42.0%	4,928	3,944	25.0%
Lợi nhuận gộp	90.5	87.0	4.0%	446	422	5.7%
Doanh thu HĐTC	11.7	10.8	8.2%	122	34.1	259%
Chi phí TC	24.3	14.9	63.2%	99.6	71.8	38.7%
Chi phí lãi vay	21.8	12.2	78.7%	89.5	62.6	42.9%
LN trong công ty LKLD	**0.09**	**0.08**	**10.2%**	**-1.18**	**-3.80**	**69.1%**
Chi phí bán hàng	60.3	39.7	52.0%	297	216	37.3%
Chi phí QLDN	**13.8**	**12.0**	**14.8%**	**35.0**	**28.6**	**22.5%**
LN thuần từ HĐKD	3.84	31.3	-87.7%	135	135	-0.1%
Lợi nhuận khác	**-1.03**	**-0.15**	**-589%**	**-0.80**	**-0.79**	**-1.0%**
LN trước thuế	2.80	31.1	-91.0%	134	135	-0.1%
Lợi nhuận sau thuế	**2.80**	**31.1**	**-91.0%**	**134**	**135**	**-0.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.98**	**30.2**	**-93.4%**	**132**	**125**	**6.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,200	114	-581	-704	471	822
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-103	-131	-78.9	-61.8	-52.6	-106
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1,104	22.1	733	715	-470	-636
Tiền đầu kỳ	56.7	49.0	52.9	129	78.2	26.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-7.18**	**5.07**	**73.1**	**-50.7**	**-51.3**	**79.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.47	-1.16	4.69	-0.14	-0.03	-5.21
Tiền cuối kỳ	49.0	52.9	131	78.2	26.9	101

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,788**	**3,168**	**-12.0%**
Tài sản ngắn hạn	1,405	1,903	-26.2%
Tiền và tương đương tiền	101	129	-21.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	484	575	-16.0%
Hàng tồn kho	637	1,014	-37.1%
Tài sản ngắn hạn khác	183	185	-1.3%
Tài sản dài hạn	**1,383**	**1,265**	**9.3%**
Phải thu dài hạn	2.23	1.45	53.8%
Tài sản cố định	1,138	1,109	2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	199	109	83.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	16.1	17.3	-6.8%
Tài sản dài hạn khác	**26.8**	**24.7**	**8.3%**
Lợi thế thương mại	0	3.21	-100%
Nợ phải trả	1,668	2,060	-19.0%
Nợ ngắn hạn	**1,540**	**1,936**	**-20.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,266	1,566	-19.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	80.6	181	-55.4%
Nợ dài hạn	128	124	3.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	126	121	3.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,120**	**1,108**	**1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**1,120**	**1,108**	**1.1%**
Vốn điều lệ	298	259	14.8%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)